

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN BÌNH SƠN
TỈNH QUẢNG NGÃI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 38/2021/QĐST – HNGĐ

Bình Sơn, ngày 16 tháng 4 năm 2021

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÌNH SƠN, TỈNH QUẢNG NGÃI

Căn cứ vào Điều 212, 213 và Điều 397 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào các Điều 55, 58, 81, 82, 83, 84 Luật HN&GD năm 2014;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí.

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số: 185/2021/TLST – HNGĐ ngày 06/4/2021 của Tòa án nhân dân huyện Bình Sơn về việc “*Công nhận thuận tình ly hôn, thỏa thuận nuôi con*”, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

- *Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:*

1. Chị Phạm Thị N, sinh năm 1981;

2. Anh Nguyễn Tài Th, sinh năm 1981;

Cùng trú tại: Số nhà 62/1 đường T, thị trấn C, huyện S, tỉnh Quảng Ngãi.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

[1] Về quan hệ hôn nhân: Anh Nguyễn Tài Th và Chị Phạm Thị N tự nguyện đăng ký kết hôn tại UBND xã B, huyện S, tỉnh Quảng Ngãi vào ngày 31/7/2006 nên quan hệ hôn nhân của anh, chị là hợp pháp. Quá trình chung sống giữa anh, chị phát sinh nhiều mâu thuẫn do bất đồng về quan điểm sống. Vào năm 2017 Chị Phạm Thị N đã gửi đơn đến Tòa án nhân dân huyện S yêu cầu ly hôn Anh Nguyễn Tài Th nhưng sau đó rút đơn về và Tòa án đã đình chỉ giải quyết vụ án. Tuy nhiên, sau thời gian rút đơn về đến nay thì mâu thuẫn vợ chồng anh, chị vẫn không được cải thiện mà ngày càng bất đồng hơn. Xét thấy mâu thuẫn giữa anh Th và chị N đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên Tòa án công nhận thuận tình ly hôn giữa anh, chị.

[2] Về con chung: Anh Th và chị N xác định có 02 người con chung là Nguyễn Phạm Hùng V, sinh ngày 24/01/2007 và Nguyễn Phạm Hà M, sinh ngày 03/12/2010 hiện đang sống với anh, chị. Anh Nguyễn Tài Th và Chị Phạm Thị N

thỏa thuận giao 02 con chung là Nguyễn Phạm Hùng V và Nguyễn Phạm Hà M cho Chị Phạm Thị N trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Chị Phạm Thị N không yêu cầu.

[3] Về tài sản chung: Vợ chồng tự thỏa thuận và chưa yêu cầu Tòa án giải quyết.

[4] Về nghĩa vụ về tài sản: Anh Nguyễn Tài Th và Chị Phạm Thị N xác định không có nghĩa vụ về tài sản chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đã hết thời hạn 7 (bảy) ngày, kể từ ngày lập Biên bản hoà giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

1.1. Về quan hệ hôn nhân: Anh Nguyễn Tài Th và Chị Phạm Thị N thuận tình ly hôn.

1.2. Về con chung: Anh Nguyễn Tài Th và Chị Phạm Thị N thỏa thuận giao 02 con chung là Nguyễn Phạm Hùng V, sinh ngày 24/01/2007 và Nguyễn Phạm Hà M, sinh ngày 03/12/2010 cho Chị Phạm Thị N trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Chị Phạm Thị N không yêu cầu.

Anh Nguyễn Tài Th có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở. Khi cần thiết một trong hai người có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con chung hoặc mức cấp dưỡng nuôi con chung.

1.3. Về tài sản chung: Vợ chồng tự thỏa thuận và chưa yêu cầu Tòa án giải quyết.

1.4. Về nghĩa vụ về tài sản: Anh Nguyễn Tài Th và Chị Phạm Thị N xác định không có nghĩa vụ về tài sản chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

5. Về lệ phí sơ thẩm: 300.000đồng (*Ba trăm nghìn đồng*), Anh Nguyễn Tài Th và Chị Phạm Thị N có nghĩa vụ nộp sung Ngân sách Nhà nước nhưng Anh Nguyễn Tài Th và Chị Phạm Thị N đã nộp lệ phí sơ thẩm 300.000đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2018/0003619, ngày 06/4/2021 của Chi cục thi hành án dân sự huyện S, tỉnh Quảng Ngãi. Anh Nguyễn Tài Th và Chị Phạm Thị N đã nộp đủ lệ phí dân sự sơ thẩm.

2. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự năm 2008 sửa đổi, bổ sung năm 2014, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự năm 2008 sửa đổi, bổ sung năm 2014.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Quảng Ngãi;
- VKSND, THA huyện S;
- UBND xã B;
- Đường sự;
- Lưu hồ sơ, án văn.

THẨM PHÁN

(Đã ký)

Lê Quang Toại